

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 06-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào M Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Nhân.

Ông Phạm Văn Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 249/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1964.

Căn cước công dân số: 038164003966. Ngày cấp: 15/4/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã H, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa).

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp 4, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/5/2025): Anh Nguyễn Đức O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1988.

Căn cước công dân số: 075188019262.

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 1, Ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 26/5/2025): Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 27A, Tổ 1, Khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) (có mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Lương Thị Gia N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M do anh Nguyễn Đức O đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lê Thị M và chị Nguyễn Thị Thanh P có quan hệ quen biết do bà M có đến Phòng khám H khám bệnh, chị P làm việc tại phòng khám và trực tiếp khám bệnh cho bà M.

Từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, bà M có cho chị P vay nhiều lần (04 lần) tổng số tiền là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), giao nhận tiền mặt không có giấy tờ, không có lãi suất, chị P hẹn là cuối năm 2023 sẽ trả lại cho bà M. Đến cuối năm 2023, chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22/3/2024, bà M và chị P mới lập Giấy vay tiền viết tay ghi ngày 22/3/2024 do chị P tự tay viết và ký tên nhưng không có công chứng, chứng thực, bà M ghi dòng chữ “Người cho vay” và ký ghi họ tên, ngoài ra bà M còn ghi thêm số điện thoại của chị P vào bên dưới dòng chữ ngày 22/3/2024. Theo Giấy vay tiền thì bà M và chị P không ghi rõ cụ thể thời hạn vay mà thỏa thuận là mỗi tháng chị P sẽ trả cho bà M 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian trả là ngày cuối của mỗi tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 5/2024, trả cho đến khi đủ số tiền nợ là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng), không thỏa thuận lãi, lãi suất.

Sau khi viết Giấy vay tiền, tháng 5/2024 chị P có trả cho bà M được 3.000.000 đồng tiền mặt, từ tháng 6/2024 cho đến nay chị P không trả cho bà M khoản tiền nào, bà M đã nhiều lần yêu cầu chị P phải trả nợ số tiền vay nhưng chị P hứa hẹn, trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay, chị P còn nợ bà M số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Nay bà M yêu cầu chị P trả cho bà M số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng. Trước đây, bà M có yêu cầu chị P trả 2.500.000 đồng tiền lãi tạm tính từ ngày 30/6/2024 đến ngày 30/4/2025 nhưng nay bà M không yêu cầu chị P trả lãi.

2. Theo bản tự khai ngày 27/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh P do anh Phạm Ngọc T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị P và bà M có quan hệ quen biết do bà M thường đến Phòng khám Hoàng Gia Tam Phước nơi chị P làm việc để khám bệnh.

Bà M khởi kiện và trình bày có cho chị P vay nhiều lần tiền, tổng cộng 72.000.000 đồng là không đúng, chị P không có vay tiền và không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà M.

Trong thời gian làm bạn, chị P và bà M có đi chơi, uống nước, mua sắm và có quan hệ thân thiết với nhau. Sau này, bà M có ý định khác về tình cảm (quan hệ tình dục) nhưng chị P không đồng ý nên phát sinh mâu thuẫn. Bà M đã đến phòng khám nơi chị P làm việc để gây sức ép, đe dọa sẽ công khai mối quan hệ cho bạn bè, đồng nghiệp và chồng của chị P làm chị P xấu hổ.

Ngày 22/3/2024, bà M đến phòng khám nơi chị P làm việc trực tiếp đe dọa công khai mối quan hệ giữa chị P và bà M, gây hoảng loạn tinh thần và tổn thương danh dự của chị P (trong lúc chị P đang mang thai), ép buộc chị P viết giấy vay tiền với số nợ là 72.000.000 đồng mà bà M cung cấp giấy vay tiền cho Tòa án. Chị P chỉ ký giấy vay tiền, không có việc giao nhận tiền, không đảm bảo điều kiện của hợp đồng vay để có giá trị pháp luật. Bà M không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào chứng minh việc giao nhận tiền.

Chị P không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M do chị P không có vay tiền, không nhận tiền của bà M. Từ ngày 22/3/2024 cho đến nay, do chị P chăm sóc con nhỏ và điều trị bệnh nên chị P không có điều kiện và cũng không dám trình báo chính quyền địa phương. Ngoài ra, chị P cũng sợ lộ thông tin ảnh hưởng đến uy tín bản thân và gia đình. Bà M đã đe dọa, ép buộc chị P viết giấy vay tiền ngày 22/3/2024, chị P đã đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra xử lý hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà M tuy nhiên Công an tỉnh Đồng Nai thông báo không có căn cứ thì chị P cũng không có ý kiến gì.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo quyền và lợi ích, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh P phải trả cho bà Lê Thị M số tiền nợ gốc 69.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với bị đơn. Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh P thanh toán số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng và tiền lãi 2.500.000 đồng. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh P có nơi cư trú tại tổ 5, khu 1, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là xã An Phước, tỉnh Đồng Nai). Bị đơn chị P có đơn đề nghị ghi nhận vụ việc có dấu hiệu hình sự, Tòa án đã có văn bản chuyển thông tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền. Theo văn bản số 148/PC01(Đ2) ngày 19/6/2025 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai trả lời không có căn cứ tiếp nhận, giải quyết tố cáo, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị P trả số tiền vay gốc 69.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với chị P về yêu cầu thanh toán tiền lãi.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M:

[4] Để chứng M cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị M đã nộp cho Tòa án Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 (bản chính viết tay) giữa bà Lê Thị M với chị Nguyễn Thị Thanh P có người làm chứng là chị Lương Thị Gia N để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[5] Theo Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 giữa bà M và chị P thể hiện chị P có vay bà M số tiền 72.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng), mỗi tháng chị P trả cho bà M 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu từ tháng 5/2024, không có thỏa thuận lãi, lãi suất.

[6] Nguyên đơn bà M cho rằng do có quan hệ quen biết nên từ tháng 7/2023 đến tháng 10/2023, bà M có cho chị P vay nhiều lần (04 lần) tổng số tiền là 72.000.000 đồng, giao nhận tiền mặt không có giấy tờ, không có lãi suất, chị P hẹn là cuối năm 2023 sẽ trả lại cho bà M. Đến cuối năm 2023, chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22/3/2024, bà M và chị P lập Giấy vay tiền viết tay do chị P tự tay viết và ký tên. Bà M và chị P không ghi rõ cụ thể thời hạn vay mà thỏa thuận là mỗi tháng chị P sẽ trả cho bà M 3.000.000 đồng, thời gian trả là ngày cuối của mỗi tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 5/2024, trả cho đến khi đủ số tiền nợ là 72.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, lãi suất. Tháng 5/2024, chị P có trả cho bà M 3.000.000 đồng tiền mặt, từ tháng 6/2024 cho đến nay chị P không trả cho bà M khoản tiền nào, bà M đã nhiều lần yêu cầu chị P phải trả nợ số tiền vay nhưng chị P hứa hẹn, trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, chị P còn nợ bà M số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng.

[7] Bị đơn chị P thừa nhận có viết Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 như bà M cung cấp cho Tòa án tuy nhiên chị P cho rằng do có quan hệ quen biết, chị P và bà M có đi chơi, uống nước, mua sắm và có quan hệ thân thiết với nhau. Sau đó, bà M phát sinh tình cảm với chị P nhưng chị P không đồng ý nên phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 22/3/2024, bà M đến phòng khám nơi chị P làm việc trực tiếp đe dọa công khai mối quan hệ giữa chị P và bà M, gây hoảng loạn tinh thần và tổn thương danh dự của chị P trong lúc chị P đang mang

thai, ép buộc chị P viết giấy vay tiền với số nợ là 72.000.000 đồng. Chị P chỉ ký hợp đồng vay tiền, không có việc giao nhận tiền, không đảm bảo điều kiện của hợp đồng vay để có giá trị pháp luật. Sau khi ký giấy vay tiền, do chị P chăm sóc con nhỏ và điều trị bệnh nên không có điều kiện và cũng không dám trình báo chính quyền địa P, sợ lộ thông tin ảnh hưởng đến uy tín bản thân và gia đình. Chị P không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M do chị P không có vay tiền, không nhận tiền của bà M và đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra xử lý hành vi cưỡng đoạt tài sản của bà M. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị P đề nghị tuyên giấy vay tiền tiền ngày 22/3/2024 là vô hiệu.

[8] Tòa án đã tiến hành đối chất giữa bà Lê Thị M, chị Nguyễn Thị Thanh P và chị Lương Thị Gia N. Tại phiên đối chất, bà M và chị P giữ nguyên ý kiến trình bày đối với việc vay tiền như trên. Đối với chị Ngọc trình bày không biết giữa bà M và chị P có cho vay tiền với nhau hay không, ngày 22/3/2024, bà M và chị P cãi nhau tại nơi làm việc nên chị vào xem nhưng không nghe nội dung cãi nhau, chị P có nhờ chị đọc cho chị P viết đơn nhưng không rõ đơn gì, chị chỉ hướng dẫn chị P ghi những thông tin cơ bản, không biết chị P viết giấy vay tiền cho bà M. Đến ngày 31/3/2025, bà M có hẹn chị ra quán cà phê đề nghị chị xác nhận vào giấy mượn tiền ngày 22/3/2024. Do trước đó, chị có quen biết và được bà M giúp đỡ, cho mượn tiền nên chị đồng ý viết nội dung xác nhận chị là người đọc và làm chứng khi chị P viết giấy nhận nợ ngày 22/3/2024 cho bà M, chị không rõ giữa bà M và chị P có việc vay tiền hay không.

Như đã phân tích tại mục [2], Tòa án căn cứ Đơn đề nghị ghi nhận vụ việc có dấu hiệu hình sự, Tòa án đã có văn bản chuyển thông tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền. Theo văn bản số 148/PC01(Đ2) ngày 19/6/2025 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai trả lời do chị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng M việc bà M đe dọa, ép buộc nên không có căn cứ tiếp nhận, giải quyết tố cáo, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố.

[9] Xét thấy, Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 được lập thành văn bản, có chữ ký, chữ viết của bà M và chị P có nội dung chị P vay bà M số tiền 72.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi, lãi suất, thỏa thuận mỗi cuối tháng chị P trả cho bà M 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu từ tháng 5/2024. Tại thời điểm ký kết Giấy vay tiền nêu trên, bà M và chị P đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, chị P là người trực tiếp viết Giấy vay tiền ngày 22/3/2024. Chị P cho rằng chị bị bà M đe dọa, ép buộc ký Giấy vay tiền nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị P không cung cấp được chứng cứ chứng M. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị P cung cấp một số hình ảnh tin nhắn theo chị P trình bày là tin nhắn giữa chị và bà M nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Qua xem xét nội dung tin nhắn trong đó có nội dung *“kg chả anh là anh photo hình của DN và giấy nợ cho dân Tam Phước biết”* tức *“không trả anh là anh phô tô hình của Doanh nghiệp và giấy nợ cho dân Tam Phước biết”* được gửi sau ngày 03/4/2024 (sau khi đã viết giấy vay tiền ngày 22/3/2024) không phải đe dọa nhằm mục đích để chị P ký giấy vay tiền như chị P trình bày. Ngoài ra, chị P không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng M ý kiến trình

bày của mình. Như vậy, Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 giữa bà M và chị P có nội dung và hình thức đúng quy định tại Điều 117, 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 thể hiện chị P vay của bà M 72.000.000 đồng, không có thỏa thuận hai bên ký biên bản giao nhận tiền. Chị P cho rằng viết Giấy vay tiền nêu trên do bị bà M đe dọa, ép buộc, uy hiếp tinh thần, thực tế chị không nhận được tiền nhưng chị không có chứng cứ chứng M. Mặt khác, từ thời điểm ký Giấy vay tiền cho đến nay chị P không yêu cầu bà M giao số tiền vay, không yêu cầu hủy Giấy vay tiền và cũng không trình báo chính quyền địa P vụ việc nêu trên.

Do đó, có căn cứ xác định chị P có vay của bà M số tiền 72.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 22/3/2024.

[11] Từ thời điểm vay đến nay, bà M cho rằng chị P chỉ trả được 01 tháng với số tiền 3.000.000 đồng, ngưng trả từ tháng 6/2024 cho đến nay. Chị P không thừa nhận việc vay tiền, không nhận tiền vay, không trả tiền gốc nhưng không có chứng cứ chứng M. Việc bà M trình bày chị P trả 3.000.000 đồng tiền mặt, không có biên nhận, không có người làm chứng tuy nhiên có lợi cho chị P nên ghi nhận. Do đó, có căn cứ chị P còn nợ bà M số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

[12] Về tiền lãi: Như đã phân tích tại mục [3], người đại diện theo ủy quyền của bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị P trả tiền lãi, Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với chị P về yêu cầu thanh toán tiền lãi, không xem xét giải quyết.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh P.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh P phải thanh toán cho bà Lê Thị M số tiền vay gốc là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

[14] Về án phí:

Bà M thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị P có nghĩa vụ thanh toán cho bà M số tiền 69.000.000 đồng nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $69.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.450.000 \text{ đồng}$.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 119, 351, 357, 401, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh P phải trả cho bà Lê Thị M số tiền vay gốc còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 22/3/2024 là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 3.450.000 đồng (ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào M Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huỳnh

Phạm Đức Nhân

Đào M Hoàng